TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SƠN TÂY** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ – ST
Ngày 22 tháng 3 năm 2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SƠN TÂY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lã Hùng Cường.

+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Quang Hòa; Bà Phùng Thị Ngọc Hà.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị T Dịu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 177/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023, về việc hôn nhân và gia đình, theo đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị T, sinh năm: 1983 (*Có mặt*);

Bị đơn: Anh Chu Văn P, sinh năm: 1981 (*Vắng mặt*).

Đều ĐKHKTT và trú tại: Tổ dân phố 08 VG, phường H, thị xã S, t.p Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Phùng Thị T là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chu Văn P kết hôn với nhau ngày 10/11/2004 tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã S qua tự do tìm hiểu theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình anh P tại số 06, ngõ 153 phố Đền Và, phường H, thị xã S, TP. Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không hợp tính cách. Từ tháng 05/2023 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

+ Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Chu Minh T, sinh ngày 08/7/2005 và cháu Chu Thị Kim A, sinh ngày 09/7/2008. Hiện cháu T đã trưởng thành, không bị khuyết điểm gì về thể chất và tinh thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Hiện cháu T và cháu Kim A đang ở với bố. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim A sau khi ly hôn, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị xác định không có.

- Về án phí: Chị tự nguyện chịu án phí ly hôn, theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án anh Chu Văn P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, nơi đăng ký kết hôn, điều kiện kết hôn anh xác nhận đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình anh P tại số 06, ngõ 153 phố Đền Và, phường H, thị xã S, TP. Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh Pc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ tháng 5/2023 do mâu thuẫn trầm trọng nên chị T bỏ đi nên vợ chồng anh chị sống ly thân. Nay chị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh với chị T được đoàn tụ.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Chu Minh T, sinh ngày 08/7/2005 và cháu Chu Thị Kim A, sinh ngày 09/7/2008. Hiện cháu T đã trưởng thành, không bị khuyết điểm gì về thể chất và tinh thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Hiện cháu T và cháu Kim A đang ở với bố. Nguyện vọng của anh P là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim A sau khi ly hôn, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức chung: Chị T, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị T, anh P xác định không có.

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu án phí ly hôn, anh đồng ý.

Tòa án cũng tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh P và chị T. Tại Biên bản xác minh ngày 28/12/2024, đại diện chính quyền địa phương cho biết: Chị T và anh P có kết hôn tại UBND phường Trung Hưng, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại tại gia đình anh P tại số 06, ngõ 153 phố V, phường H, thị xã S, TP. Hà Nội. Quá trình

chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng không yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp hòa giải.

Anh chị có 02 con chung là cháu Chu Minh T, sinh ngày 08/7/2005 và cháu Chu Thị Kim A, sinh ngày 09/7/2008. Hiện các cháu đang ở với gia đình anh P. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức chung của anh chị gia đình và địa phương không được biết. Hiện anh P bị di chứng tai biến đang ở nhà, hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định 28 với số tiền 660.000 đồng/tháng. Nay chị T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh P, đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án cũng tiến hành lấy ý kiến con chung của chị T và anh P theo quy định của pháp luật. Tại Đơn trình bày ngày 10/01/2024 cháu Chu Minh T và Chu Thị Kim A gửi Tòa án mong muốn bố mẹ đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, các con có nguyện vọng được ăn ở tại chỗ như hiện tại, được học tập bình thường, cuộc sống không bị đảo lộn.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do các đương sự không thỏa thuận được toàn bộ nội dung giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã công bố các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đúng như lời khai và biên bản xác minh. Các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T và anh P và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị T được ly hôn với anh Chu Văn P. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Chu Minh T, sinh ngày 08/7/2005 và cháu Chu Thị Kim A, sinh ngày 09/7/2008. Cháu T đã trưởng thành nên không Giao cháu Chu Thị Kim A cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Đề nghị Tòa án không xem xét. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà;

[1] Về pháp luật tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình", bị đơn trong vụ án là anh Chu Văn P có nơi cư trú tại phường H, thị xã S, TP.

Hà Nội nên theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, hòa giải, ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị T và anh Chu Văn P kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống chị T và anh P có phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không đồng cảm chia sẻ với nhau dẫn đến mâu thuẫn nặng nề căng thẳng, hai bên gia đình cũng đã cố gắng hòa giải, giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2023 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Anh P không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy anh chị có mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa chị T và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh P mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp hóa giải, khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng về đoàn tụ. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị T,

[3] Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung là cháu Chu Minh T, sinh ngày 08/7/2005 và cháu Chu Thị Kim A, sinh ngày 09/7/2008. Hiện ahi cháu đang ở với anh P. Cháu T Anh đã đủ 18 tuổi, không bị khuyết điểm gì về thể chất và tinh thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Chị T và anh P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim A sau ly hôn. Cháu Chu Thị Kim A trình bày nguyện vọng được ăn ở tại chỗ như hiện tại, được học tập bình thường, cuộc sống không bị đảo lộn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T và anh P đều chính đáng. Hiện tại hai cháu đang ăn ở với bố cùng với ông bà nội, được học tập bình thường, cuộc sống ổn định nguyện vọng của các cháu mong muốn được ăn ở tại chỗ và ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử xác định từ trước cho đến nay các cháu vẫn có cuộc sống ổn định, ăn học bình thường để đảm bảo được sự phát triển tốt nhất về tâm sinh lý, thể chất, sinh hoạt của các cháu Kim A nên việc giao cháu Kim A cho anh P được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Do anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T cho đến khi có yêu cầu mới. Sau khi ly hôn, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[4]*Về tài sản chung, công sức chung*: Chị T và anh P xác nhận là không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Nợ chung:* Chị T và anh P xác nhận là không có. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 6, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phùng Thị T, chị Phùng Thị T được ly hôn anh Chu Văn P.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Chu Minh T, sinh ngày 08/7/2005 và cháu Chu Thị Kim A, sinh ngày 09/7/2008. Cháu Chu Minh T đã đủ 18 tuổi, không bị khuyết điểm gì về thể chất và tinh thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Giao cháu Chu Thị Kim A cho anh Chu Minh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Kim A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm miễn việc trợ cấp nuôi con chung cho anh chị T đến khi anh P có đơn yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Phùng Thị T được quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con

3. Về tài sản chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung : Không có.

5. Về án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phùng Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0000805 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Chu Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội

- Viện KSND TX.Sơn Tây, TP. Hà Nội;

- Người tham gia tố tụng

- UBND phường Trung Hưng , TX.Sơn Tây, TP. Hà Nội;

- Chi cục THADS TX. Sơn Tây;

- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lã Hùng Cường

3. Về tài sản chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung : Không có.

5. Về án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phùng Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0000805 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Chu Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**